TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 225/2023/QĐST-HNGĐ	*Càng Long, ngày 23 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 573/2022/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 11 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn*: chị Trần Thị M, sinh năm 1979

Nơi cư trú: ấp Số 6, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: anh Trần Văn T, sinh năm 1980

Nơi cư trú: ấp Số 6, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ngân hàng N.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị M và anh Trần Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị M và anh Trần Văn T tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 03 người là Trần Minh T, sinh ngày 16/01/2000, Trần M, sinh ngày 21/02/2002 và Trần Thị MT, sinh ngày 26/10/2013. Cháu MT có nguyện vọng được sống chung với chị M khi chị M và anh T ly hôn. Chị M và anh T tự nguyện thoả thuận việc nuôi con như sau:

Chị Trần Thị M được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Thị MT, sinh ngày 26/10/2013 theo nguyện vọng của con.

Sau khi ly hôn, anh Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết anh T có quyền yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Đối với Trần Minh T, sinh ngày 16/01/2000, Trần M, sinh ngày 21/02/2002 chị M và anh T đều xác định hai cháu Minh T và M đều có sức khoẻ, có việc làm ổn định tạo ra thu nhập tự nuôi sống bản thân hai cháu nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, Toà án không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án có giải thích theo quy định tại các Điều 82, 107 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình về cấp dưỡng nuôi con nhưng chị M chưa đặt ra yêu cầu giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xét.

Về tài sản: Chị Trần Thị M và anh Trần Văn T không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ: Chị Trần Thị M và anh Trần Văn T đều thừa nhận hiện anh chị còn nợ Ngân hàng N. Do ông Nguyễn V - Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện C có văn bản đề ngày 16/12/2022, xác nhận nợ của hộ anh Trần Văn T như anh T, chị M khai và hộ vay thực hiện đúng hợp đồng nên Ngân hàng N không khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết nợ vay đối với anh T, chị M. Do đó, Tòa án không xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị M tự nguyện nộp 150.000 đồng (*Một trăm, năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được cấn trừ vào 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013633, ngày 14/11/2022 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu. Hoàn trả lại cho chị Trần Thị M 150.000 đồng (*Một trăm, năm mươi nghìn đồng*) tiền chênh lệch.

Anh Trần Văn T và Ngân hàng N không phải chịu án phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Trang